

Tuyên Quang, ngày 22 tháng 01 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 14 tháng 01 năm 2021 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 142/2020/TLST-DS ngày 23 tháng 11 năm 2020

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự

* Nguyên đơn: Bà Bùi Thị B, sinh năm 1973

Địa chỉ: Tổ 7, phường H, thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang. Là nguyên đơn

* Bị đơn: - Ông **Đoàn Văn L**, sinh năm 1959

- Bà **Đặng Thị H**, sinh năm 1965

Địa chỉ: Tổ dân phố B, thị trấn T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* Về nghĩa vụ thanh toán nợ: Ông Đoàn Văn L và bà Đặng Thị H phải thanh toán cho chị Bùi Thị B số tiền nợ gốc là 251.000.000đ (*Hai trăm năm mươi một triệu đồng*) và tiền nợ lãi là 22.700.000đ (*Hai mươi hai triệu bảy trăm nghìn đồng*), tổng cộng cả gốc và lãi là 273.700.000đ (*Hai trăm bảy mươi ba triệu bảy trăm nghìn đồng*). Chia ra: Ông Đoàn Văn L phải trả là 136.850.000đ (*Một trăm ba mươi sáu triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng*), trong đó tiền gốc là 125.500.000đ (*Một trăm hai mươi lăm triệu năm trăm nghìn đồng*), tiền lãi là 11.350.000đ (*Mười một triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng*); Bà Đặng Thị H phải trả là 136.850.000đ (*Một trăm ba mươi sáu triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng*).

đồng), trong đó tiền gốc là 125.500.000đ (*Một trăm hai mươi lăm triệu năm trăm nghìn đồng*), tiền lãi là 11.350.000đ (*Mười một triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng*)

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

* Về án phí: Án phí dân sự có giá ngạch của vụ án là 6.842.500đ (*Sáu triệu tám trăm bốn mươi hai nghìn năm trăm đồng*)

- Chị Bùi Thị B phải chịu 3.421.250đ (*Ba triệu bốn trăm hai mươi một nghìn hai trăm năm mươi đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Bình đã nộp là 7.592.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000716 ngày 09/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q. Trả cho chị B số tiền chênh lệch là 4.170.750đ (*Bốn triệu một trăm bảy mươi nghìn bảy trăm năm mươi đồng*). Chị Bùi Thị B đã nộp đủ án phí.

- Bà Đặng Thị H và ông Đoàn Văn L phải chịu 3.421.250đ (*Ba triệu bốn trăm hai mươi một nghìn hai trăm năm mươi đồng*) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, trong đó ông Đoàn Văn L phải chịu 1.710.625đ (*Một triệu bảy trăm mười nghìn sáu trăm hai mươi lăm đồng*), bà Đặng Thị H phải chịu 1.710.625đ (*Một triệu bảy trăm mười nghìn sáu trăm hai mươi lăm đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tp Tuyên Quang (2 bản);
- Chi cục THADS tp Tuyên Quang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, TA.

THẨM PHÁN

Vương Thị Lan

